

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 274/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-08-2026

“V/v ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Quang

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 28 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04/05/2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/07/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06/08/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp A (ấp A cũ), xã B, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Tú G**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A (ấp A cũ), xã B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/03/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2019 do mai mối nên anh và chị Trần Thị Tú G có tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/06/2021 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long).

Thời gian chung sống hạnh phúc của vợ chồng kéo dài đến năm 2023 thì giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong

cuộc sống gia đình, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau. Do đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 06 năm 2023 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G không còn nữa. Từ đó làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Tú G.

Về con chung: Khi ly hôn anh giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12/11/2022 cho chị G nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị Trần Thị Tú G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.*

- *Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/07/2026, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Tú G. Về con chung: Khi ly hôn anh giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12/11/2022 cho chị G nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con*”; bị đơn chị Trần Thị Tú G cư trú tại xã Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Thị Tú G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về pháp luật nội dung:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Tú G mai mối nên anh và chị Trần Thị Tú G có tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào

ngày 17/06/2021 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (*Nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long*), nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Nguyễn Văn T trình bày: Thời gian chung sống hạnh phúc của vợ chồng kéo dài đến năm 2023 thì giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong cuộc sống gia đình, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau. Do đó chúng anh đã sống ly thân với nhau từ tháng 06 năm 2023 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G không còn nữa. Từ đó làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với Trần Thị Tú G.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng anh T, chị G đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Tú G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn T khai có con chung với chị Trần Thị Tú G là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12/11/2022, khi ly hôn anh T giao con chung cho chị G nuôi dưỡng.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; T hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*”. Chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh Anh. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu về tâm sinh lý, tránh thay đổi môi trường sống của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T là giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12/11/2022 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Văn T khai chưa yêu cầu, chị Trần Thị Tú G cũng chưa có văn bản nào trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Văn T khai chưa yêu cầu, chị Trần Thị Tú G cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Tú G.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12/11/2022 cho chị Trần Thị Tú G tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007696, ngày 22/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2 –Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long;
- UBND xã B, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo